

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GOLDEN FUND**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GOLDEN FUND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109604419

**3. Ngày thành lập:** 20/04/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 23, Ngõ 18/36/3 Định Công Thượng, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0877877333

Fax:

Email: Goldenfundvn@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác<br>(Điều 8 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh vàng)<br>(trừ kinh doanh vàng miếng) | 4662(Chính) |
| 2.  | Khai thác quặng kim loại quý hiếm<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                   | 0730        |
| 3.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                     | 0810        |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                           | 0990        |
| 5.  | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu<br>(Loại trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                 | 2420        |
| 6.  | Đúc sắt, thép<br>(Loại trừ kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                                                   | 2431        |
| 7.  | Đúc kim loại màu                                                                                                                                                                                    | 2432        |
| 8.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                    | 2591        |
| 9.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                        | 2592        |
| 10. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                         | 2593        |
| 11. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>(không hoạt động tại trụ sở) (trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                 | 2599        |
| 12. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                                       | 2822        |
| 13. | Sản xuất máy luyện kim                                                                                                                                                                              | 2823        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2824 |
| 15. | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan<br>Chi tiết: Sản xuất, gia công vàng trang sức, mỹ nghệ (Điều 8 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh vàng)<br>(trừ sản xuất, gia công vàng miếng và không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)<br>(không hoạt động tại trụ sở) | 3211 |
| 16. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                  | 3311 |
| 17. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ (Nghị định 24/2012/NĐ-CP)<br>(trừ bán lẻ súng, đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                                                            | 4773 |
| 18. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Lưu trữ hàng hóa<br>(trừ kinh doanh kho bãi, không bao gồm kinh doanh bất động sản, không hoạt động tại trụ sở)<br>(chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)                                                                                                    | 5210 |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không).                                                                                                                                                                    | 5229 |
| 20. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                    | 7020 |
| 21. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)<br>(trừ kinh doanh dịch vụ bảo vệ)                                                                                                                                                                                                  | 8110 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                                                                              | 8220 |
| 23. | Dịch vụ đóng gói<br>(trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)                                                                                                                                                                                                                                                  | 8292 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>- Xuất nhập khẩu hàng hóa công ty kinh doanh (Điều 3 Nghị định 69/2018/NĐ-CP) (Trừ các mặt hàng nhà nước cấm)<br>- Dịch vụ thương mại điện tử (Nghị định 52/2013/NĐ-CP)                                                        | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

Thời gian đăng từ ngày 20/04/2021 đến ngày 20/05/2021

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN PHỒN HUY | Khu dân cư Tổng Xá , Phường Thái Thịnh, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông         | 80.000     | 800.000.000           | 40,000    | 030090010183                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 80.000     | 800.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGÔ MINH ĐỨC    | 27/5/86 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông         | 60.000     | 600.000.000           | 30,000    | 001091013066                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 60.000     | 600.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |               |                                                             |                           |        |             |        |           |  |
|---|---------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|-----------|--|
| 3 | PHẠM VĂN TOÀN | Xóm 3b, Xã Hải Minh, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 60.000 | 600.000.000 | 30,000 | 163145976 |  |
|   |               |                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |           |  |
|   |               |                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |           |  |
|   |               |                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |           |  |
|   |               |                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |           |  |
|   |               |                                                             | Tổng số                   | 60.000 | 600.000.000 | 30,000 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN PHỒN HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 02/12/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030090010183

Ngày cấp: 25/05/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu dân cư Tổng Xá, Phường Thái Thịnh, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu dân cư Tổng Xá, Phường Thái Thịnh, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội